

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2026

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lành Văn Huế

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thương

2. Bà Trần Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị A, sinh ngày 12/02/1994. Địa chỉ: Thôn B, nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 0201xxxxxxxx, ngày cấp 19/01/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Hồng P, sinh ngày 17/12/1993. Địa chỉ: Thôn B, nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 0200xxxxxxxx, ngày cấp: 06/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị A trình bày:

Năm 2015, chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

(nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 13/11/2015, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P chung sống tại thôn B (nay là thôn B), xã T, tỉnh Lạng Sơn; anh P thường xuyên đi lại giữa hai bên gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra đánh nhau, mắng chửi nhau, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải, hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện và không thể hàn gắn. Chị A không báo cáo những mâu thuẫn trên với chính quyền thôn, xã. Chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P đã ly thân từ tháng 5/2025, sau đó đến tháng 9/2025 chị Dương Thị A cho anh Trần Hồng P thêm một cơ hội để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, nhưng vẫn không cải thiện được anh Trần Hồng P vẫn chửi mắng, đánh chị. Anh Trần Hồng P bỏ nhà đi làm công ty từ đó đến nay không về nhà chị Dương Thị A lần nào nữa, chị Dương Thị A và gia đình đã liên lạc nhưng anh Trần Hồng P đã chặn hết các thông tin về cá nhân. Chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P đã sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay không còn yêu thương quan tâm đến nhau. Nay chị Dương Thị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Dương Thị A được ly hôn với anh Trần Hồng P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Trần Hạo N, sinh ngày 24/08/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 11/03/2018. Hiện nay hai con đang ở với chị Dương Thị A tại Thôn B, nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Dương Thị A yêu cầu được người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị A không yêu cầu anh Trần Hồng P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Toà án đã triệu tập anh Trần Hồng P đến Toà án để viết bản tự khai về các yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh Trần Hồng P không có mặt, không có ý kiến trình bày. Toà án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với anh Trần Hồng P.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự: Tại Công văn số 652/UBND-VP ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/11/2015, vợ chồng có mâu thuẫn, chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P đã sống ly thân được khoảng 01 năm; vợ chồng có hai con chung tên là Dương Trần Hạo N, sinh ngày 24/8/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 11/3/2018. Hiện nay hai cháu đang ở với chị Dương Thị A tại Thôn B, nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Được ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc tốt, ăn học đầy đủ không bị ngược đãi. Chị Dương Thị A đang đi làm công ty vẫn về nhà thường xuyên chăm các con, hiện tại anh Trần Hồng P đi làm công ty không có mặt tại địa phương, mức thu nhập của chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng.

Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2026, bà Vy Thị T là mẹ đẻ của chị

Dương Thị A cho biết: Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P được tổ chức cưới vào đầu năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi cưới xong anh Trần Hồng P về ở hẳn bên gia đình bà đến tháng 8/2016 sinh con đầu lòng, trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn với chị Dương Thị A vào năm 2016, anh Trần Hồng P không có mâu thuẫn gì với bà và gia đình bên ngoại. Đến năm 2018 chị Dương Thị A sinh con thứ hai, giữa hai con vẫn có mâu thuẫn cãi cọ nhau. Đến năm 2022 anh Trần Hồng P đi xuất khẩu lao động đến tháng 4/2025 thì về, anh Trần Hồng P về trước hợp đồng 03 tháng, chị Dương Thị A vẫn đi công ty, từ khi anh Trần Hồng P đi xuất khẩu về giữa hai vợ chồng vẫn không làm lành với nhau, bà và anh em họ hàng nội ngoại đều khuyên nhủ hai con đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Sau khi đi xuất khẩu lao động về anh Trần Hồng P tiếp tục đi làm công ty, đến tết năm 2026 về ở 03 ngày tết và lại đi công ty từ đó đến nay không về nhà bà lần nào nữa, anh Trần Hồng P không gọi điện nhắn tin về hỏi thăm con cái lần nào, con của anh Trần Hồng P nhắn tin, gọi điện cũng không trả lời. Hai con cũng không còn quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Bà đã khuyên bảo hai con rất nhiều nhưng không có hy vọng cứu vãn cuộc hôn nhân này. Nay chị Dương Thị A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là do hai con tự quyết định, bà không can thiệp. Trong quá trình chung sống chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P sinh được 02 người con tên Dương Trần Hạo N, sinh ngày 24/8/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 11/3/2018 hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị Dương Thị A và ông bà ngoại được chăm sóc chu đáo, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho hai cháu ăn học đến khi trưởng thành. Trong trường hợp các con ly hôn ông bà ngoại sẽ giúp đỡ hai cháu Dương Trần Hạo N và Trần Bảo L về mọi mặt, đưa đón cháu đi học, đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho hai cháu Dương Trần Hạo N và Trần Bảo L.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/7/2026, tuy nhiên anh Trần Hồng P vắng mặt, chị Dương Thị A có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chị Dương Thị A đã chấp hành, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự cụ thể là có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm lần một, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Bị đơn anh Trần Hồng P vắng mặt tại phiên tòa, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần. Do vậy anh Trần Hồng P không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị A được ly hôn với anh Trần Hồng P.

Về con chung: Giao cháu Dương Trần Hạo N, sinh ngày 24/8/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Dương Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Trần Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Dương Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn B nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn chị Dương Thị A trình bày, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên sống xa nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2025 đến nay. Anh Trần Hồng P đi làm công ty không cho chị Dương Thị A biết thông tin địa chỉ, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Trần Hồng P đều không có mặt để trình bày ý kiến về nguyện vọng đoàn tụ, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không tham gia phiên hoà giải và phiên tòa. Theo biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã T, trưởng thôn và gia đình đều cho biết, hiện nay anh Trần Hồng P không thường xuyên cư trú tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân trong thời gian dài nên yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị A có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị A và anh Trần Hồng P có 02 con chung tên là Dương Trần Hạo N, sinh ngày 24/8/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 11/3/2018, hiện nay đang ở cùng chị Dương Thị A và ông bà ngoại trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tại Thôn B, nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Dương Thị A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Trần Hạo N và Trần Bảo L cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Dương Thị A không yêu cầu anh Trần Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Dương Trần Hạo N và Trần Bảo L từ nhỏ đến nay đều sinh sống, học tập tại Thôn B, nay là thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay đang sống cùng chị Dương Thị A, bà ngoại là Vy Thị T và được chị Dương Thị A cùng bà Dương Thị Tích chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ nên cần được giao cho chị Dương Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện và nguyện vọng của cháu Dương Trần Hạo N và Trần Bảo L nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Trần Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Dương Thị A không yêu cầu. Anh Trần Hồng P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Nguyên đơn chị Dương Thị A trình bày là không có tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hồng P vắng mặt, không có ý kiến gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị A được chấp nhận nên chị Dương Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị A. Xử cho chị Dương Thị A được ly hôn anh Trần Hồng P.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Trần Hạo N, sinh ngày 24/8/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Dương Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị A đã nộp 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000968 ngày 28 tháng 04 năm 2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lạng Sơn;
- UBND xã V;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lành Văn Huế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thương

Lành Văn Huế

Trần Thị Thu Hương

